

5Es VÀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NHẪM CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TRẦN THANH HƯƠNG*

TÓM TẮT: Việc hội nhập vào khu vực và thế giới đang tạo áp lực lên giáo dục đại học trong việc đào tạo nguồn nhân lực có đủ năng lực để đáp ứng mong đợi của xã hội. Để đáp ứng nhu cầu này, giáo dục đại học đang tiến hành đổi mới trên mọi phương diện để cải tiến chất lượng, trong đó có đổi mới phương pháp giảng dạy. Lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp không những thay đổi thái độ học tập của người học, nâng cao hiệu quả trong dạy học của giảng viên mà còn nâng cao khả năng kiến tạo tri thức và năng lực thực hành nghề nghiệp của sinh viên trong tương lai. Bài viết trình bày và phân tích mô hình 5Es như là một trong những cách tiếp cận hiệu quả để nâng cao hiệu quả trong dạy học đại học ở Việt Nam hiện nay. Những thách thức trong việc áp dụng mô hình và các giải pháp đề xuất cho những tồn tại này cũng được tác giả đề cập trong bài viết.

Từ khóa: mô hình 5Es, phương pháp dạy học.

ABSTRACT: Higher education in Vietnam has been experiencing the pressure of regional and international integration in preparing students who are expected to be capable in doing their job after graduation. In order to respond to this demand, educational reform has implemented and teaching methodology is one of the priorities of this process. 5Es instructional model is considered as effective approach to align with this reform. The paper describes and discusses the application of 5Es model in Vietnam context, the challenges are pointed out and the suggestions are also proposed in this paper.

Key words: 5Es model, didactic method.

Đ T VẤN Đ

Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội quý IV năm 2016 có 471 ngàn người có trình độ chuyên môn bị thất nghiệp, trong đó nhóm bị thất nghiệp nhiều nhất ở trình độ đại học với 218,8 ngàn người, tiếp đến cao đẳng với 124,8 ngàn và cuối cùng là trung cấp với 14,1 ngàn người. Có rất nhiều nguyên nhân tạo nên thực trạng này, trong đó chất lượng tại các cơ sở đào tạo được coi là một trong những nguyên nhân quan trọng.

Nhiều nhà chuyên môn đã chỉ ra rằng, nguyên nhân của vấn đề là do công tác hướng nghiệp trong quá trình đào tạo chưa tới nơi tới

chốn đã làm nhiều sinh viên đăng ký sai ngành nghề, hậu quả dẫn đến là các em thiếu đam mê học tập, ít đầu tư tìm hiểu sâu và tới nơi tới chốn của vấn đề. Ngoài ra, nhiều cơ sở đào tạo đang còn xem nhẹ phần thực hành, đặt nặng vào việc truyền đạt kiến thức với lối dạy duy, phương pháp giảng truyền thống ở điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế. Kết quả dẫn đến là các em không đủ kiến thức, kinh nghiệm cũng như không thể phát huy năng lực của chính bản thân khi ra trường.

Theo số liệu điều tra của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội, số lượng sinh viên đáp ứng nhu cầu của công việc sau khi ra trường rất

(*)Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

ít, hơn 13% sinh viên phải đọc đào tạo lại hoặc bổ sung kỹ năng khi tiếp nhận công việc, gần 40% phải đọc kèm cặp lại tại nơi làm việc và 41% cần thời gian làm quen để tiếp nhận công việc chuyên môn của mình.

Troյớc thực tế này, nhiều trường đại học, cao đẳng đặt ra các chiến lược nhằm cải tiến việc dạy và học, choyong trình đào tạo đoyớc rà soát định kỳ để bổ sung điều chỉnh, nhiều phoyong pháp dạy học tích cực đoyớc triển khai, cơ sở vật chất và phoyong tiện dạy học đoyớc đầu toy nâng cấp. Với mục đích áp dụng phoyong pháp dạy học mới để phát huy tính tích cực, chủ động trong việc tìm tòi kiến thức và nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường, tác giả bàn luận tới mô hình 5Es và cách triển khai vào thực tiễn giảng dạy ở đại học, đây đoyớc xem là một trong những cách tiếp cận hiệu quả để cải tiến chất lượng đào tạo hiện nay ở Việt Nam.

2 NỘI DUNG BÀN LUẬN

2.1. Mô hình 5Es

Danh từ 5E đoyớc bắt nguồn từ 5 chữ cái đầu tiên của 5 động từ tiếng Anh: Engage, Explore, Explain, Elaborate và Evaluate. Khái niệm này đề cập đến 5 giai đoạn cần phải có trong hoạt động giảng dạy để có thể kích thích sự tham gia, tạo hứng thú và hợp tác của người học trong việc khám phá, tìm tòi và kiến tạo tri thức – kỹ năng cho bản thân đoyới sự dẫn dắt, điều phối của người dạy.

Xuất phát điểm của mô hình này bắt nguồn từ ý tưởng của triết gia người Đức Johann Friedrich Herbart (1900s), theo ông mục đích đầu tiên của giáo dục là phát triển tính cách và tiến trình này phải bắt đầu bằng cách tạo hứng thú cho người học qua những kinh nghiệm thực tế về thế giới tự nhiên hoặc các toyong tác xã hội, sau đó làm cho người học hiểu rõ các khái niệm, kiến thức mới dựa trên sự nhận thức hoặc kiến thức đã có. Để làm đoyớc điều này, theo ông quá trình dạy học phải trải qua 4 giai đoạn gồm (1) chuẩn bị

(Preparation): người dạy khơi gợi sự nhận thức của người học qua việc liên hệ những kiến thức mà người học đã và đang có sẵn; (2) trình bày (Presentation): người dạy giới thiệu nội dung dạy học mới dựa trên sự kết nối với những kiến thức, kinh nghiệm có sẵn của người học; (3) tổng quát hóa (Generalization): người dạy giải thích ý tưởng và giúp người học phát triển các khái niệm; (4) áp dụng (Application): người dạy tạo cơ hội cho người học trải nghiệm để kiểm chứng và ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế trong bối cảnh mới.

Những ý tưởng này tiếp tục đoyớc John Dewey (1859 - 1952) phát triển và ông phân chia quá trình dạy học thành 6 giai đoạn: khơi gợi tình huống – vấn đề cho người học, giúp người học nhận dạng vấn đề, tạo cơ hội cho người học đặt các giả thuyết và giải pháp dựa trên những kinh nghiệm đã có sẵn, thực hành để kiểm chứng, chỉnh sửa và cuối cùng là nội dung cốt lõi của vấn đề đoyớc người học nghiệm ra.

Tiếp tục với các ý tưởng này Heiss, Obourn, Hoffman (1950) cho rằng chu trình học tập phải đoyớc thực hiện qua 4 bước gồm bước 1 người học cần đoyớc khám phá về nội dung, thực nghiệm để thu thập những dữ liệu nhằm kiểm chứng, giải thích vấn đề từ đó bước đầu hình thành ý tưởng để đưa ra kết luận là bước 2, bước 3 là việc tổ chức lại nội dung học tập qua việc phác thảo, kiểm chứng, tóm gọn lại nội dung và đưa ra kết luận cho vấn đề, sau cùng, bước 4 là áp dụng kiến thức, kỹ năng vào tình huống mới của thực tiễn.

Vào giữa những thập niên 80, the Biological Science Curriculum Study (BSCS) kế thừa những ý tưởng này phát triển thành mô hình dạy học 5E vào 1987. Mặc dù mô hình đoyớc hoàn chỉnh từ những chuyên gia thuộc khoa học tự nhiên, tuy nhiên tính ứng dụng và hiệu quả vẫn đã và đang đoyớc sử dụng cho những giáo viên, giảng viên ở các ngành khoa học khác.

2.2. 5Es từ lý luận tới thực tiễn

Troյốc những yêu cầu đặt ra của xã hội cho giáo dục trong xu hướng hội nhập vào đngchảy chung của thế giới, Nghị quyết số 29- NQ/TW đợc Ban chấp hành Trung ợng Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành nhằm “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục”, một trong chín giải pháp cải tiến là phợng pháp giảng dạy phải gắn liền với yêu cầu thực tiễn ngành nghề mà ngợi học đang theo đuổi và phải theo nguyên tắc lấy ngợi học làm trung tâm. 5Es là một trong những giải pháp để cải tiến thực trạng học tập thụ động, thiếu năng lực thực hành nghề nghiệp của sinh viên khi ra trường và cũng là một trong những cách thức để thực hiện mục tiêu đổi mới của Nghị quyết 29.

Để áp dụng 5Es, troյốc tiên ngợi dạy ảphải xác định đợc 5 trình tự của các giai đoạn trong việc triển khai nội dung bài giảng.

Giai đoạn đầu tiên là khơi gợi sự tham gia của ngợi học (Engage): mục tiêu của bợc này là nhằm đánh giá những kiến thức ngợi học đang có liên quan tới nội dung sắp đợc triển khai và cũng là bợc kích thích sự chú ý, tò mò của ngợi học liên quan đến chủ đề. Ngợi dạy có thể chuẩn bị làm một thí nghiệm, xem đoạn phim, tranh ảnh hay đặt ra một tình huống cụ thể, đợa một mẫu tin... liên quan đến nội dung bài học để ngợi học động não, chú ý và có mong muốn đợc tìm hiểu vấn đề một cách thấu đáo. Hoạt động này rất quan trọng vì nó không chỉ giúp ngợi dạy xác định đợc trình độ của ngợi học để lựa chọn hình thức giảng dạy phù hợp, hiệu quả mà còn giúp ngợi học thay đổi thái độ và cảm giác học tập, tạo động cơ để các em tìm hiểu vấn đề một cách chính xác hơn dựa trên những hiểu biết có sẵn của mình.

Sau giai đoạn đầu, ngợi dạy cần cung cấp điều kiện để ngợi học tập trung khám phá, tìm kiếm tri thức (Explore): ở bợc này, ngợi học cần có thời gian trải nghiệm qua việc thực hành làm thử nghiệm, quan sát, đặt câu hỏi, đợa giả

định, điều tra hay kiểm tra thử nghiệm bằng hình thức nhóm hay cặp. Đây là giai đoạn quan trọng để ngợi học thu thập dữ liệu hay thông tin nhằm khám phá, tìm kiếm chân lý, phát triển tri thức và tự tin – trách nhiệm, do vậy, ngợi dạy chỉ đóng vai trò điều phối, toյ vấn các hoạt động, không thực hiện việc truyền tải kiến thức cho các em. Cần tạo dựng bầu khí hợp tác trong lớp, tổ chức sắp xếp chỗ ngồi phù hợp sẽ kích thích tất cả thành viên tham gia.

Giai đoạn 3 giải thích (Explain): ngợi dạy giải thích và làm rõ nghĩa các khái niệm, quy tắc hay nội dung chính của vấn đề dạy. Bợc này rất quan trọng vì nó cho phép ngợi học miêu tả sự hiểu biết và đặt ra những câu hỏi về các khái niệm mà mình đang khám phá, nó quyết định trực tiếp đến toյ duy, sự hiểu biết khoa học một cách chính xác của sinh viên về vấn đề. Để thực hiện giai đoạn này, troյốc tiên ngợi dạy cần đợa thời gian để ngợi học trình bày kết quả, các ý toյng, kết luận rút ra ở giai đoạn 2. Sau khi ngợi học chia sẻ những giải thích riêng của mình, giảng viên sẽ giải thích và cung cấp thông tin khoa học và kỹ thuật một cách trực tiếp tới các em qua các hình thức và phợng tiện khác nhau tùy điều kiện của lớp học. Ở đây những quan niệm sai lầm của sinh viên có troյốc đó sẽ đợc làm rõ, những kiến thức chính thức, chính xác sẽ đợc cung cấp. Các hình thức thuyết giảng, giải thích, đặt câu hỏi,... giảng viên có thể sử dụng để đạt mục đích của giai đoạn này.

Làm rõ thêm (Elaborate): Giai đoạn này khuyến khích sinh viên áp dụng kiến thức vừa học vào một tình huống mới hoặc toյng tự. Hoạt động này giúp ngợi học mở rộng hiểu biết về khái niệm và cho phép họ thực hành kỹ năng và hành vi. Giai đoạn này các em sẽ có cơ hội đợc phát triển sâu hơn và rộng hơn tri thức khoa học, biết kết hợp kiến thức khoa học vào các vấn đề cụ thể liên quan đến ngành nghề, có thêm thông tin thực tế và kỹ năng để giải quyết vấn đề mình vừa học trong một bối cảnh mới.

Sự hiểu biết của các em sẽ được củng cố vững chắc hơn qua tương tác với các thành viên trong lớp để bổ sung những nội dung chưa chắc. Giảng viên có thể sử dụng công nghệ, đặt vấn đề và đưa yêu cầu mới hay tương tự liên quan đến bước 2 để sinh viên sử dụng những gì vừa tiếp thu được tìm câu trả lời cho vấn đề.

Đánh giá (Evaluation): đánh giá sự hiểu biết và khả năng áp dụng những điều đã học của các em. Có nhiều hình thức để đánh giá tùy nhiệm vụ và nội dung môn học, những hình thức đánh giá phù hợp cho nội dung mỗi buổi học có thể là bài tập với câu hỏi trắc nghiệm, bài đánh giá nhanh bằng câu hỏi đúng sai, hoặc cũng có thể yêu cầu sinh viên làm bài viết.

2.3. Những thách thức trong việc ứng dụng 5Es

Với mục đích phát huy tính tích cực, thái độ chủ động và thói quen sáng tạo trong việc học, 5Es sẽ mang lại lợi ích và sự thay đổi lớn ngay từ chính bản thân người học cả về thái độ, cảm xúc, động cơ và khả năng kiến tạo kiến thức, nâng cao năng lực thực hiện công việc với chuyên ngành mình đã chọn. Tuy nhiên, để 5Es phát huy tối đa tính hiệu quả đòi hỏi kỹ năng và sự linh hoạt của giảng viên rất nhiều. Với trình tự các bước của 5Es đòi hỏi thời gian để triển khai bài giảng nhiều hơn hẳn so với cách dạy truyền thống mà chúng ta đang sử dụng hiện nay.

Thêm vào đó, 5Es cũng đòi hỏi nhiều hơn phương tiện dạy học để người học có thể trải nghiệm, thí nghiệm hoặc kiểm định nội dung của vấn đề. Do vậy, với điều kiện dạy học đại học còn khiêm tốn ở Việt Nam hiện nay, 5Es đòi hỏi sự tận tâm và sáng tạo của người dạy rất nhiều để có thể phát huy tính chủ động, tích cực của các em qua mô hình 5Es.

Mặt khác, thực tế số sinh viên đông trong mỗi lớp học hiện nay là một thách thức lớn cho người dạy với mô hình 5Es. Ở lớp học quá đông, việc giám sát và quản lý hoạt động của tất cả sinh viên là một áp lực lớn cho giảng viên trong mỗi giai đoạn thực hiện. Điều này,

đòi hỏi sự can thiệp của các cán bộ quản lý tại cơ sở đào tạo trong việc chia lớp hoặc tăng cường trợ giảng để giảng viên có thể đạt được hiệu quả trong việc áp dụng 5Es vào hoạt động giảng dạy của mình.

Từ những thách thức trên không nên nghĩ rằng chúng ta chưa sẵn sàng để áp dụng 5Es vào lớp học hay không, trước tiên phụ thuộc vào nỗ lực và sự mềm dẻo của giảng viên. 5Es có thể linh hoạt sử dụng như Engage – Explore – Explain – Elaborate – Evaluate cho những nội dung lớn mà thời gian hạn chế, hay có thể Engage – Explore – Explain – Elaborate – Evaluate cho những nội dung khó, không nhất thiết phải theo quy trình Engage – Explore – Explain – Elaborate – Evaluate cho từng nội dung nhỏ của một bài học.

3 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Mô hình 5Es không mới và đã được sử dụng rộng rãi trên thế giới, với mục tiêu giáo dục đại học Việt Nam hiện nay nhằm nâng cao kỹ năng xử lý vấn đề của sinh viên trong thực tế cuộc sống và công việc hơn là nỗ lực đổ đầy kiến thức có sẵn cho sinh viên, mô hình 5Es được xem là một cách tiếp cận hiệu quả để đạt được mục tiêu và cải tiến chất lượng đào tạo. Với bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam hiện nay, vận dụng 5Es vào quá trình dạy học sẽ là một thách thức lớn. Tuy nhiên, không đi thì không thể tới đích, không thử nghiệm áp dụng thì không thể đạt được mục tiêu đề ra, do vậy, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

Mô hình 5Es nên được nghiêm túc đưa vào sử dụng thử nghiệm ở một số lớp chuyên ngành cụ thể trong thời gian 1 năm học để đánh giá tính hiệu quả của nó trong bối cảnh giáo dục Việt Nam. Những báo cáo, đánh giá về tính hiệu quả của mô hình này cần được thực hiện và công bố để đánh giá sự tác động và thay đổi trên người học. Ngoài ra, giảng viên cần được tập huấn về mô hình này và cần hiểu rõ rằng giai đoạn đầu không có nghĩa là khởi động hay

là hoạt động giải trí cho sinh viên, do vậy các hoạt động cần phải được sàng lọc để gắn liền với nội dung bài học và đồng thời cũng kiểm tra được mức độ hiểu biết ban đầu của các em.

Sự ủng hộ của lãnh đạo: 5Es áp dụng được hay không phụ thuộc rất nhiều vào sự ủng hộ

cả về tinh thần và chính sách quy định của lãnh đạo trong việc khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp và đưa mô hình mới vào thực tiễn giảng dạy của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội (2016), Bản tin số 12, quý IV. Truy cập từ www.molisa.gov.vn/Images/.../fileanpham201733195308.doc ngày 10 tháng 7 năm 2017.
2. Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội (2017), Bản tin quý I. Truy cập từ www.molisa.gov.vn/Images/.../fileanpham2017691623270.pdf.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. VietnamNet (2017), *Thêm 200.000 cử nhân thất nghiệp trong năm 2017*, Báo điện tử Vietnam.net. Truy cập ngày 7 tháng 7 năm 2017.
5. Duran B. L, Duran E (2004), *The 5E Instructional Model: A learning Cycle Approach for Inquiry-Based Science Teaching*. Journal of the Science Education Review 3(2).
6. Rodger W. Bybee, Joseph A. Taylor, April Gardner, Pamela Van Scotter, Janet Carlson Powell (2006), *The BSCS 5E Instructional Model: Origins and Effectiveness*. Published by BSCS Colorado Springs.

Ngày nhận bài: 24/7/2017. Ngày biên tập xong: 23/9/2017. Duyệt đăng: 06/10/2017